**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN A**
**TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **135/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24/3/2022
*V/v tranh chấp "Ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

*Các Hội thẩm nhân nhân dân*: 1. Ông **Nguyễn Phúc Viễn;**

2. Bà **Lê Thị Ngọc Ánh;**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Nguyện- KSV***.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 361/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 29/HPT ngày 03/3/2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị Như E**, sin năm 1994; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: 779 H, KP6, phường 9, TP K, Tiền Giang

* Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn G**, sin năm 1990; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Đặng Thị Như E trình bày: Chị và anh G tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, A, Tiền Giang số 39 ngày 05/5/2016. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sin mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp thường xuyên tranh cải, anh G không quan tâm đến vợ con, thường xuyên đánh đập, chửi mắn chị, chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh G không thay đổi. Mâu thuẫn kéo dài trầm trọng nên anh chị sống ly thân từ tháng 7/2021, nay chị xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh G.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Quỳnh Quốc F, sinh ngày 01/10/2016. Con chung đang sin sống với chị E, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu

cầu anh G cấp dưỡng hàng tháng là 1.000.000 đồng

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn G từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng anh G vẫn vắng mặt không rõ lý do và không trình bày ý kiến của mình.

* Tại phiên tòa, chị E có đơn xin vắng mặt, vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn G.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Quỳnh Quốc F, sinh ngày 01/10/2016. Con chung đang sinh sống với chị E, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh G cấp dưỡng hàng tháng là 1.000.000 đồng

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân chị E và anh G mâu thuẩn trầm trọng, sống ly thân từ năm 2021 nhưng không thể hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị chị E được ly hôn với anh G.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Quỳnh Quốc An F, sinh ngày 01/10/2016. Con chung đang sống với chị E, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, đồng thời cháu F có nguyện vọng được sống với chị E. Chị yêu cầu anh G cấp dưỡng hàng tháng là 1.000.000 đồng. Anh G vắng mặt không lý do, điều đó cho thấy anh không chấp đối với yêu cầu về con chung, cấp dưỡng của chị E. Yêu cầu của chị E là phù hợp với qui định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của chị Đặng Thị Như E về việc tranh chấp "ly hôn" với anh Nguyễn Văn G thuộc trường hợp được qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Về hôn nhân: Qua lời trình bày của chị Đặng Thị Như E, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị và anh G tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, A, Tiền Giang số 39 ngày 05/5/2016. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sin mâu thuẩn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp thường xuyên tranh cải, anh G không quan tâm đến vợ con, thường xuyên đánh đập, chửi mắn chị, chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không anh G không thay đổi. Mâu thuẩn kéo dài trầm trọng nên anh chị sống ly thân từ tháng 7/2021, nay chị xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh G. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh G nhưng anh vẫn không đến tham dự phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị E, điều đó chứng tỏ anh G không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xác định, mâu thuẩn vợ chồng giữa anh G và chị E đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị E là phù hợp với qui định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Quỳnh Quốc F, sinh ngày 01/10/2016. Hiện con chung đang được chị E nuôi dưỡng, cháu có cuộc sống ổn định đồng thời cháu F có nguyện vọng được sống với chị E nên cần tiếp tục giao con chung cho chị E chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị E yêu cầu anh G có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng 1.000.000 đồng để nuôi dưỡng con chung, yêu cầu này là phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Đối với anh Nguyễn Văn G Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh vẫn vắng mặt không rõ lý do, chị E có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh G, chị E.

Từ những nhận định trên và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 80, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

***Xử***: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Như E.

[1] Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Như E được ly hôn với anh Nguyễn Văn G

[2] Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Quỳnh Quốc F, sinh ngày 01/10/2016 cho chị Đặng Thị Như E tiếp tục nuôi chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Văn G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 04/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh G chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

[3] Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giản quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Đặng Thị Như E phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị E đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005223 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tiền Giang nên chị đã thi hành xong.

Anh Nguyễn Văn G phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Anh Nguyễn Văn G, chị Đặng Thị Như E được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
*-TAND Tỉnh TG;*
*-VKSNDHCG-TG*
*-Chi cục THADSHCG;*
*-Những người tham gia tố tụng;*
*-Lưu.*

*(Đã Ký)*

**Nguyễn Thị Ánh Hồng**